CHỦ NGHĨA MÁC-LÊNIN VÀ SỰ VẬN DỤNG, PHÁT TRIỂN SÁNG TẠO CỦA HỒ CHÍ MINH VÀ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM VÀO HOÀN CẢNH LỊCH SỬ CỤ THỂ CỦA ĐẤT NƯỚC

NGUYỄN VĂN MÃO
Viện Thông tin Khoa học xã hội,
Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam

Nhận bài ngày 10/3/2025. Sửa chữa xong 20/3/2025. Duyệt đăng 27/3/2025.

Abstract

Marxism-Leninism is a scientific theoretical system established by K. Marx and F. Engels and further developed by Lenin, formed through the inheritance of the intellectual essence of humanity and the summarization of the practical realities of the era. It serves as the fundamental worldview and methodology for scientific understanding and revolutionary activities, aiming to liberate the proletariat and working people from oppression and exploitation, ultimately leading to the liberation of humanity. This article analyzes Marxism-Leninism and the process of its creative application and development by President Ho Chi Minh and the Communist Party of Vietnam in the specific context of the country.

Keywords: *Marxism-Leninism, application, creative development, Ho Chi Minh and the Communist Party of Vietnam, specific historical context of the country.*

1. Đặt vấn đề

Chủ nghĩa Mác-Lênin là hệ thống lý luận khoa học và cách mạng toàn diện, trở thành vũ khí tư tưởng của giai cấp công nhân và nhân dân lao động trong quá trình nhận thức và cải tạo thế giới. Chủ nghĩa Mác-Lênin không chỉ là nền tảng lý luận cho các cuộc cách mạng vô sản trên thế giới, là kim chỉ nam cho cách mạng Việt Nam. Từ khi ra đời, chủ nghĩa Mác-Lênin đã trở thành ngọn đèn soi đường, giúp giai cấp công nhân và nhân dân lao động nhận thức rõ bản chất của chế độ tư bản, từ đó đấu tranh giành lại quyền lợi chính đáng của mình. Ở Việt Nam, chủ nghĩa Mác-Lênin đã được Chủ tịch Hồ Chí Minh và Đảng Cộng sản Việt Nam vận dụng sáng tạo, phù hợp với điều kiện của đất nước, dẫn dắt nhân dân ta giành độc lập dân tộc và tiến lên CNXH. Trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế hiện nay, việc tìm hiểu chủ nghĩa Mác-Lênin cùng với quá trình vận dụng và phát triển sáng tạo của Chủ tịch Hồ Chí Minh và Đảng Cộng sản Việt Nam sẽ góp phần củng cố niềm tin vào con đường cách mạng mà Đảng và nhân dân ta đã lựa chọn, đồng thời khẳng định giá trị trường tồn của học thuyết này trong thời đại mới.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Sự ra đời của chủ nghĩa Mác

Chủ nghĩa Mác-Lênin xuất hiện vào những năm 40 của thế kỷ XIX khi phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa phát triển mạnh mẽ và chiếm ưu thế tại các nước Tây Âu như Anh, Pháp. Sự chuyển đổi từ sản xuất thủ công sang đại công nghiệp đã làm thay đổi sâu sắc cấu trúc xã hội, đặc biệt là sự hình thành và phát triển của giai cấp vô sản. Thực tiễn đấu tranh cách mạng của giai cấp này đòi hỏi một hệ thống lý luận khoa học dẫn đường, từ đó chủ nghĩa Mác ra đời, đồng thời thực tiễn cách mạng cũng trở thành nền tảng cho sự phát triển liên tục của lý luận này. Chủ nghĩa Mác còn là kết

Email: manhmao777@gmail.com

quả của việc kế thừa tinh hoa văn hóa nhân loại, bao gồm triết học cổ điển Đức, kinh tế chính trị cổ điển Anh, chủ nghĩa xã hội không tưởng Pháp và Anh cùng những thành tựu khoa học tự nhiên như định luật bảo toàn năng lượng, học thuyết tế bào và tiến hóa của Đác-uyn. Khái quát những kinh nghiệm của phong trào công nhân và những thành tựu của khoa học tự nhiên có nghiên cứu phê phán những tư tưởng triết học trước đó, C. Mác và Ph. Ăngghen đã thực hiện bước ngoặt cách mạng vĩ đại trong triết học đúng như V.I. Lênin đã viết: "Chủ nghĩa Mác là hệ thống các quan điểm và học thuyết của Mác. Mác đã kế thừa và hoàn chỉnh một cách thiên tài ba trào lưu tư tưởng chủ yếu của thế kỷ XIX, thuộc ba nước tiên tiến nhất của loài người: triết học cổ điển Đức, môn kinh tế chính trị cổ điển Anh và chủ nghĩa xã hội Pháp gắn liền với các học thuyết cách mạng nói chung. Tính triệt để và tính hoàn chỉnh tuyệt vời (mà ngay cả kẻ thù của Mác cũng phải thừa nhận) của những quan điểm của ông (mà toàn bộ hợp thành chủ nghĩa duy vật hiện đại và chủ nghĩa xã hội khoa học hiện đại, tức là lý luận và cương lĩnh của phong trào công nhân ở tất cả các nước văn minh trên thế giới" [1, tr. 59-60].

2.2. V.I. Lênin bảo vệ, phát triển chủ nghĩa Mác

Cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX, chủ nghĩa tư bản chuyển sang giai đoạn đế quốc, bộc lộ rõ bản chất bóc lột và thống trị. Mâu thuẫn xã hội, đặc biệt giữa giai cấp tư sản và vô sản ngày càng sâu sắc. Phong trào đấu tranh chống đế quốc ở các nước thuộc địa phát triển, liên kết chặt chẽ với phong trào vô sản. Giai cấp tư sản đế quốc đã lợi dụng các phần tử cơ hội và chủ nghĩa xét lại để chống lại phong trào cách mạng. Giai cấp vô sản Nga, dưới sự lãnh đạo của Đảng Bônsêvích đã trở thành ngọn cờ đầu của cách mạng thế giới, tiến hành các cuộc cách mạng dân chủ tư sản (1905-1907) và cách mạng tháng Hai 1917 dẫn đến thắng lợi của Cách mạng Tháng Mười vĩ đại năm 1917, mở ra thời đại mới trong lịch sử nhân loại. Sự phát triển mạnh mẽ của khoa học tự nhiên, đặc biệt là vật lý học đặt ra yêu cầu mới cho triết học về thế giới quan và phương pháp luận. Trong bối cảnh này, chủ nghĩa Mác được truyền bá rộng rãi ở Nga nhưng cũng đối mặt với sự xuyên tạc từ các trào lưu tư tưởng như chủ nghĩa kinh nghiệm phê phán, chủ nghĩa xét lại và chủ nghĩa thực dụng. Những kẻ xét lại trong Quốc tế II và các nhóm như Mensêvích cố gắng phủ nhận cơ sở triết học của chủ nghĩa Mác, đề xuất hợp nhất nó với chủ nghĩa Cantơ mới. Để bảo vệ và phát triển chủ nghĩa Mác, V.I. Lênin đã kiên quyết đấu tranh chống lại các quan điểm cơ hội, xét lại, đồng thời vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác vào thực tiễn nước Nga. Ông đề ra Chính sách kinh tế mới (NEP), thúc đẩy kinh tế nhiều thành phần, áp dụng quan hệ hàng hóa - tiền tệ, và sử dụng chủ nghĩa tư bản nhà nước. Nhờ đó, nước Nga đã vượt qua khủng hoảng kinh tế - xã hội năm 1921, mở ra giai đoạn phát triển mới, tiếp tục cổ vũ phong trào đấu tranh của giai cấp vô sản và các dân tộc bị áp bức trên toàn thế giới.

2.3. Hồ Chí Minh và Đảng Cộng sản Việt Nam vận dụng, phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác-Lênin vào hoàn cảnh cụ thể đất nước

Trên hành trình vạn dặm đi tìm đường cứu nước, giải phóng dân tộc, lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh đã tìm thấy ở chủ nghĩa Mác-Lênin con đường cách mạng chân chính, con đường cứu nước đúng đắn. Người đã nhận thức rằng, chỉ có chủ nghĩa Mác-Lênin là "Chủ nghĩa chân chính nhất, chắc chắn nhất, cách mệnh nhất" [2, tr. 289], từ đó Người khẳng định: "Từng bước một, trong cuộc đấu tranh, vừa nghiên cứu lý luận Mác-Lênin vừa làm công tác thực tế, dần dần tôi mới hiểu được rằng chỉ có CNXH, chủ nghĩa cộng sản mới giải phóng được các dân tộc bị áp bức và những người lao động trên thế giới khỏi ách nô lệ" [3, tr. 563] và đặt trọn niềm tin vào chủ nghĩa Mác-Lênin, lấy lý luận đó làm ngọn đèn soi đường, làm kim chỉ nam cho cách mạng Việt Nam. Vì vậy, tiếp thu lý luận Mác-Lênin và ra sức truyền bá lý luận đó thông qua những luận đề tư tưởng của mình vào phong trào công nhân và phong trào yêu nước Việt Nam, giác ngộ giai cấp công nhân và cả dân tộc Việt Nam đấu tranh để giành độc lập, giải phóng dân tộc, giải phóng những người lao động cùng khổ, xây dựng xã hội mới vì Nhân dân, vì con người.

Theo Nguyễn Ái Quốc, muốn đưa sự nghiệp giải phóng dân tộc vào quỹ đạo của cách mạng vô sản cần phải nắm vững mục tiêu, bản chất và phương thức tiến hành cuộc cách mạng đó, đặc biệt ở một nước thuộc địa, phong kiến như ở Việt Nam, các nước Đông Dương và cả châu Á nói chung "Chế độ cộng sản có áp dụng được ở châu Á nói chung và ở Đông Dương nói riêng không? Đấy là vấn đề mà chúng ta đang quan tâm hiện nay" [1, tr. 45]. Người cho rằng: "Xét những lý do lịch sử cho phép chủ nghĩa cộng sản thâm nhập dễ dàng vào châu Á, dễ dàng hơn là ở châu Âu" [1, tr. 47]. Đồng thời nhấn mạnh sự cần thiết phải quan niệm đúng đắn về chủ nghĩa cộng sản, tức chủ nghĩa Bônsêvích có nghĩa là hoặc sự phá hoại tất cả hoặc sự giải phóng khỏi ách nước ngoài. "Nghĩa thứ nhất gán cho danh từ ấy làm cho quần chúng vô học và nhút nhát xa lánh chúng ta; nghĩa thứ hai thì dẫn họ đến chủ nghĩa quốc gia. Cả hai điều đó đều nguy hiểm cả. Chỉ có một số người trong nhân dân hiểu được thế nào là chủ nghĩa cộng sản" [1, tr. 80-81]. Điều đó cho thấy, việc truyền bá, giáo dục về chủ nghĩa cộng sản trong công nhân và Nhân dân có tầm quan trọng đặc biệt. Do đó, Nguyễn Ái Quốc đã chú trọng vận dụng sáng tạo vào điều kiện của Việt Nam. Trăn trở của Người "Mác đã xây dựng học thuyết của mình trên một triết lý nhất định của lịch sử nhưng lịch sử nào? Lịch sử châu Âu. Mà châu Âu là gì? Đó chưa phải là toàn thể nhân loại" [4, tr. 509-510]. Vì vậy, Người đặt vấn là cần phải "Xem xét lại chủ nghĩa Mác về cơ sở lịch sử của nó, củng cố nó bằng dân tộc theo phương Đông" [1, tr. 510]. Đồng thời, từ thực tiễn Việt Nam, Người đã thấy rằng "Cuộc đấu tranh giai cấp không diễn ra giống như ở phương Tây,… nếu nông dân gần như chẳng có gì thì địa chủ cũng không có tài sản gì lớn; nếu nông dân chỉ sống bằng cái tối thiểu cần thiết thì đời sống của địa chủ cũng chẳng có gì là xa hoa; nếu thợ thuyền không biết mình bị bóc lột bao nhiêu thì chủ lại không hề biết công cụ để bóc lột của họ là máy móc; người thì chẳng có công đoàn, kẻ thì chẳng có tơrớt. Người thì cam chịu số phận của mình, kẻ thì vừa phải trong sự tham lam của mình. Sự xung đột về quyền lợi của họ được giảm thiểu. Điều đó, không thể chối cãi được" [1, tr. 509].

Khác với C. Mác bàn nhiều về cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa tư bản, V.I. Lênin bàn nhiều về cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa đế quốc thì Nguyễn Ái Quốc dành sự quan tâm đặc biệt đến cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa thực dân. Nếu như các nhà sáng lập học thuyết mácxít nhấn mạnh cuộc đấu tranh giai cấp ở các nước tư bản thì Nguyễn Ái Quốc lại tập trung vào cuộc đấu tranh dân tộc ở thuộc địa. Theo Người, độc lập, tự do là khát vọng lớn nhất của các dân tộc thuộc địa nói chung, dân tộc Việt Nam nói riêng. Mục tiêu cao nhất của mọi cuộc đấu tranh là nhằm thoát khỏi ách áp bức, bóc lột của giặc ngoại xâm, giành độc lập, tự do, hòa bình để xây dựng đất nước, đảm bảo cho Nhân dân có cuộc sống ấm no, hạnh phúc và đó cũng là mục tiêu cao cả của Người.

Hồ Chí Minh nhấn mạnh rằng, ở các nước thuộc địa, chiến lược cách mạng trước hết là đấu tranh dân tộc chứ không phải đấu tranh giai cấp. Trong tác phẩm *Đường Kách mệnh*, Người phân loại ba hình thức cách mạng: tư sản, vô sản và giải phóng dân tộc. Tư tưởng của Người kết hợp nhuần nhuyễn giải phóng giai cấp, dân tộc và con người theo chủ nghĩa Mác-Lênin với điều kiện cụ thể của Việt Nam. Cách mạng vô sản là con đường giải phóng triệt để nhưng cách thức thực hiện phụ thuộc vào hoàn cảnh từng nước. Ở Việt Nam, cách mạng giải phóng dân tộc là nhiệm vụ trọng tâm, với lực lượng chủ chốt là công nhân, nông dân cùng sự ủng hộ của các tầng lớp khác như học trò, tiểu thương và tiểu địa chủ. Đầu năm 1930, khi soạn thảo Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng, Nguyễn Ái Quốc đã hoạch định con đường phát triển của dân tộc từ một nước thuộc địa đi lên CNXH phải trải qua nhiều giai đoạn chiến lược cách mạng khác nhau: "Làm tư sản dân quyền cách mạng và thổ địa cách mạng để đi tới xã hội cộng sản" [5, tr. 1]. "Tư sản dân quyền cách mạng" là nhằm giải phóng dân tộc, hoàn thành nhiệm vụ chống đế quốc, giành độc lập dân tộc (không bao gồm nhiệm vụ ruộng đất). "Thổ địa cách mạng" với nhiệm vụ chủ yếu là cách mạng ruộng đất. "Đi tới xã hội cộng sản" lại là giai đoạn phát triển kế tiếp để từng bước đạt mục tiêu CNXH, đó là hướng phát triển lâu dài. Cương lĩnh chủ trương tập hợp lực lượng rộng rãi, bao gồm toàn dân tộc để tiến hành các cuộc cách mạng chống đế quốc và chống phong kiến triệt để. Dựa trên điều kiện lịch sử xã hội châu Âu, nơi chủ nghĩa

tư bản và công nghiệp phát triển, C. Mác, Ph. Ăngghen và V.I. Lênin đã đề ra con đường cách mạng vô sản nhằm giải phóng giai cấp công nhân và nhân dân lao động. Họ coi giải phóng giai cấp vô sản ở các nước tư bản là nhiệm vụ trọng tâm, đồng thời là điều kiện để giải phóng dân tộc và người lao động ở thuộc địa. Hồ Chí Minh đã vận dụng sáng tạo lý luận này, giải quyết hài hòa mối quan hệ giữa dân tộc và giai cấp, xác định nhiệm vụ cụ thể cho từng giai đoạn cách mạng, đề ra con đường giải phóng phù hợp với điều kiện xã hội và nguyện vọng của quần chúng nhân dân: giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp và giải phóng con người.

Người đã nhận thức muốn giải phóng xã hội, giải phóng người lao động nhất thiết phải có đấu tranh giai cấp. Song, ở Việt Nam "Cuộc đấu tranh giai cấp không diễn ra giống như ở phương Tây" [1, tr. 508], bởi vì điều kiện kinh tế - xã hội ở Việt Nam khác với châu Âu; văn hóa phương Đông khác với văn hóa phương Tây. Đồng thời, nhận rõ đấu tranh giai cấp ở cả ở Đông Dương, Trung Quốc, Ấn Độ, châu Á và phương Đông, Người đã cho rằng: "Chủ nghĩa dân tộc là động lực lớn của đất nước. Chính nó đã gây nên cuộc nổi dậy chống thuế năm 1908, nó dạy cho những người culi biết phản đối, nó làm cho những người "nhà quê" phản đối ngầm trước thuế tạp dịch và thuế muối. Cũng chủ nghĩa dân tộc đã thúc đẩy các nhà buôn An Nam cạnh tranh với người Pháp và người Trung Quốc; nó đã thúc giục thanh niên bãi khóa, làm cho những nhà cách mạng trốn sang Nhật Bản, làm vua Duy Tân mưu tính khởi nghĩa năm 1917" [1, tr. 551]. "Giờ đây, người ta sẽ không thể làm gì được cho người An Nam nếu không dựa trên các động lực vĩ đại và duy nhất của đời sống xã hội của họ" [1, tr. 513].

Đặt lên hàng đầu mục tiêu, nhiệm vụ giải phóng dân tộc, Đảng Cộng sản Việt Nam và Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh đã vận dụng sáng tạo học thuyết của chủ nghĩa Mác-Lênin, nhất là điều mà C. Mác và Ph. Ăngghen đã kêu gọi trong Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản: "Giai cấp vô sản mỗi nước trước hết phải giành lấy chính quyền, phải tự vươn lên thành giai cấp dân tộc, phải tự mình trở thành dân tộc" [6, tr. 623-624]. Vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác-Lênin vào hoàn cảnh cụ thể của đất nước, Nguyễn Ái Quốc đã sáng lập và lãnh đạo Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhân dân lao động đoàn kết đấu tranh giành độc lập dân tộc, ở đầu bằng Cách mạng tháng Tám năm 1945. Sau thắng lợi của Cách mạng tháng Tám năm 1945, Việt Nam đã bắt đầu kỷ nguyên mới, kỷ nguyên độc lập dân tộc và tiến lên CNXH. Đại hội lần thứ II của Đảng (tháng 2/1951) xác định rõ con đường hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân tiến lên CNXH. Năm 1954, miền Bắc được hoàn toàn giải phóng và bước vào thời kỳ quá độ lên CNXH, trong khi miền Nam vẫn phải tiếp tục hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân. Trong điều kiện miền Bắc vừa mới thoát khỏi ách thực dân, phong kiến, nền kinh tế hết sức lạc hậu và đất nước đang bị chia cắt làm hai miền, Hồ Chí Minh đã chỉ ra: "Trong những điều kiện như thế, chúng ta phải dùng những phương pháp gì, hình thức gì, đi theo tốc độ nào để tiến dần lên CNXH?... Chúng ta phải nâng cao sự tu dưỡng về chủ nghĩa Mác-Lênin để dùng lập trường, quan điểm, phương pháp của chủ nghĩa Mác-Lênin mà tổng kết những kinh nghiệm của Đảng ta, phân tích một cách đúng đắn những đặc điểm của nước ta. Có như thế, chúng ta mới có thể dần dần hiểu được quy luật phát triển của cách mạng Việt Nam, định ra được những đường lối, phương châm, bước đi cụ thể của cách mạng XHCN thích hợp với tình hình nước ta" [7, tr. 92].

Từ khi ra đời, Đảng Cộng sản Việt Nam đã quán triệt nguyên lý chủ nghĩa Mác- Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và CNXH, kết hợp hài hòa giải phóng dân tộc, giai cấp và con người, giành nhiều thắng lợi vẻ vang. Đại hội III (1960) và IV (1976) đề ra đường lối xây dựng CNXH ở miền Bắc và cả nước, đạt được thành tựu nhưng cũng bộc lộ hạn chế, đòi hỏi phải đổi mới tư duy lý luận và nhận thức về thời kỳ quá độ. Đại hội VI (1986) đánh dấu bước ngoặt đổi mới, nhìn thẳng vào sự thật, đổi mới tư duy kinh tế, chuyển sang nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần, định hướng XHCN, giúp đất nước thoát khỏi khủng hoảng. Đại hội VII (1991) đề ra Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ, xác định 6 đặc trưng của CNXH. Nhờ chính sách kinh tế đúng đắn, đường lối đối ngoại độc lập và sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng, Việt Nam đã vượt qua thách thức từ sự sụp đổ của Liên Xô và Đông Âu, tiếp tục phát triển vững chắc. Kiên định mục tiêu độc lập

dân tộc và CNXH, cách mạng Việt Nam phát triển theo đường lối đổi mới của Đảng chính là sự phát triển sáng tạo những nguyên lý của chủ nghĩa Mác-Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, chứng minh giá trị khoa học, tính cách mạng của lý luận, tư tưởng đó. Trải qua hơn 20 năm đổi mới trên nền tảng của chủ nghĩa Mác-Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, với sự sáng tạo, phù hợp với thực tiễn, Việt Nam đã tiến những bước dài có những biến đổi sâu sắc và đạt được những thành tựu to lớn có ý nghĩa lịch sử. Cùng với những thành tựu về tăng trưởng, phát triển kinh tế, văn hóa, giáo dục, thực hiện chính sách xã hội, cải thiện đáng kể đời sống vật chất và tinh thần của Nhân dân, giữ vững ổn định chính trị và tăng cường sức mạnh quốc phòng, an ninh, mở rộng quan hệ đối ngoại, Việt Nam còn đạt được thành tựu quan trọng về lý luận, "Nhận thức về CNXH và con đường đi lên CNXH ngày càng sáng tỏ hơn; hệ thống quan điểm lý luận về công cuộc đổi mới, về xã hội XHCN và con đường đi lên CNXH ở Việt Nam đã hình thành trên những nét cơ bản" [8, tr. 68], trước hết là về mục tiêu và mô hình của chế độ XHCN ở Việt Nam.

Đại hội XI của Đảng (01/2011) đã thông qua Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên CNXH (bổ sung, phát triển năm 2011), tiếp tục làm rõ và khẳng định những quan điểm và phương hướng cơ bản con đường đi lên CNXH ở Việt Nam. Đại hội đã đề ra Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội (2011-2020) với những mục tiêu dựa trên cơ sở đổi mới mô hình tăng trưởng, tái cấu trúc nền kinh tế và thực hiện ba đột phá chiến lược: Hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường XHCN; đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao; xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng hiện đại, đồng bộ.

Đại hội XII của Đảng đã khẳng định những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử. Đất nước ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội (1996), vượt qua tình trạng một nước nghèo kém phát triển (2008); đang đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, tăng trưởng kinh tế khá; phát triển kinh tế thị trường định hướng XHCN với những nhận thức rõ và đầy đủ hơn vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh, không ngừng xây dựng, hoàn thiện hệ thống chính trị.

Đại hội XIII của Đảng đã bổ sung nhận thức mới về con đường đi lên CNXH ở Việt Nam, dựa trên tổng kết 35 năm đổi mới, 30 năm thực hiện Cương lĩnh 1991 và 10 năm thực hiện Cương lĩnh (bổ sung, phát triển năm 2011). Văn kiện đã cụ thể hóa mục tiêu đi lên CNXH, xác định rõ lộ trình phát triển: đến năm 2025, Việt Nam là nước đang phát triển, có công nghiệp hiện đại, vượt qua mức thu nhập trung bình thấp; đến năm 2030, là nước đang phát triển, có công nghiệp hiện đại, thu nhập trung bình cao; và đến năm 2045, trở thành nước phát triển, thu nhập cao. Đảng ta cũng đã bổ sung nhận thức về phương hướng xây dựng CNXH; điều chỉnh và bổ sung các mối quan hệ lớn, bao gồm: giữa đổi mới, ổn định và phát triển; giữa kinh tế thị trường và định hướng XHCN; giữa tăng trưởng kinh tế, phát triển văn hóa, tiến bộ xã hội và bảo vệ môi trường; giữa xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; giữa Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý và nhân dân làm chủ; bổ sung mối quan hệ giữa thực hành dân chủ và tăng cường pháp chế. Những bổ sung này thể hiện sự phát triển sáng tạo trong nhận thức của Đảng về con đường đi lên CNXH, phù hợp với điều kiện thực tiễn và xu thế thời đại. Đến nay, "Lý luận về đường lối đổi mới, về CNXH và con đường đi lên CNXH ở Việt Nam ngày càng hoàn thiện và từng bước được hiện thực hóa" [9, tr. 103].

Trong đổi mới, Đảng và Nhà nước Việt Nam chủ trương phát triển kinh tế thị trường định hướng XHCN, đa dạng sở hữu và thành phần kinh tế, sử dụng kinh tế thị trường làm công cụ quá độ lên CNXH. Mô hình này thể hiện sự sáng tạo, nắm bắt xu thế khách quan của kinh tế thị trường hiện đại.

Trung thành và vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác-Lênin, Chủ tịch Hồ Chí Minh và Đảng Cộng sản Việt Nam đã đóng góp lớn, giải quyết vấn đề giải phóng dân tộc, giai cấp, con người; kết hợp độc lập dân tộc với CNXH; xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN; phát triển kinh tế thị trường định hướng XHCN. Nhờ đó, Việt Nam đạt thành tựu to lớn sau 39 năm đổi mới.

Xem tiếp trang 36